

Bản án số: 27/2021/HS-ST  
Ngày 03 - 02 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Huệ – Giáo viên, Cán bộ hưu trí Phường 10, Quận 8
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Cán bộ hưu trí Phường 1, Quận 8

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn T; sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 82/10D Tổ 73A, Khu phố 6A, phường T.T.N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L và bà Đỗ Thị A; có vợ Phạm Thúy A và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Nhật Q; sinh năm 1996, tại Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn P.T 2, xã E.K, huyện K.P, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/9/2015, Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 26/4/2016 chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

3. Lê Thị Thùy L (tên gọi khác: Min); sinh ngày 10/5/2004, tại Hậu Giang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng 23 ngày); nơi cư trú: Ấp 2, xã T.H, huyện L.M, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Không rõ tên cha, mẹ là bà Lê Kiều L (chết), chị ruột là Lê Thị Yến L, sinh năm 1999, cư trú tại Trung Quốc, không rõ địa chỉ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

4. Dương Phạm Hồng N; sinh năm 1991, tại Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: 944/16 đường C, Phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc B và bà Phạm Thị Thu T; có vợ Nguyễn Ngọc G và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

5. Đinh Văn Th; sinh năm 1992, tại Thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T.L, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà Phạm Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đến ngày 28/02/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay (có mặt).

6. Đặng Thái A; sinh năm 1985, tại Long An; nơi cư trú: 215 Khu vực 4, thị trấn H, huyện Đ.H, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang M (chết) và bà Lê Thị B (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay (có mặt).

7. Lê Văn B; sinh năm 1970, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn N, xã N.T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc H (chết) và bà Lê Thị Ánh N (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/3/2015, Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay (có mặt).

8. Trần Thị Bích D; sinh năm 1966, tại Sài Gòn; nơi cư trú: 39/B405 Chung cư H, phường P, quận T.P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (chết) và bà Lê Thị P (chết); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1985, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đi phục hồi nhân phẩm về hành vi “Gái mại dâm”.

- Năm 1986 và 1988, Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đi phục hồi nhân phẩm về hành vi “Gái mại dâm”.

- Năm 1987, Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đưa đi cưỡng bức lao động thời gian 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

9. Trần Thị Bích O; sinh năm 1970, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 37 Tổ 2, ấp P.B, xã A.L, huyện B.L (nay là phường A, thị xã B), tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H; có chồng Huỳnh Long T và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay (có mặt).

10. Nguyễn Thị P; sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 120/7B T.T.H, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Châu Thị N; có chồng Nguyễn Văn S và 04 con, lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh ngày 15/01/2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (vắng mặt)

11. Nguyễn Thị Hồng H; sinh năm 1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 23/1 M.H.Đ, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị C; có chồng Nguyễn Văn B và 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

12. Lê Thị Ng; sinh năm 1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 232/1A Khu phố T, phường T.Đ.H, thị xã D.A (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (chết) và bà Trương Thị M (chết); có chồng Võ Hữu T và 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

13. Nguyễn Thị Thu U; sinh năm 1966, tại Sài Gòn; nơi cư trú: 04 Lầu 2, T.B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị N; có chồng Hoàng Hữu T và 05 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2020 đến ngày 05/7/2020 được trả tự do; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

14. Nguyễn Thị X; sinh năm 1987, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: 56/17/5/2 Khu phố 2, phường T.X, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Không rõ tên cha, mẹ là Nguyễn Thị Q; có chồng Cao Chí L và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

15. Huỳnh Kim K; sinh năm 1973, tại Sài Gòn; nơi cư trú: 287/2B/2F B.S, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn V (chết) và bà Nguyễn Kim L (chết); có vợ Dương Thanh T và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 15/9/2010, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng bỏ trốn và bị truy nã.

- Ngày 28/02/2012, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp với bản án 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, buộc chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù. Đến ngày 18/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

16. Nguyễn Thị S; sinh năm 1978, tại An Giang; nơi cư trú: Ấp M.T, xã M.Đ, huyện C.P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N; có chồng Nguyễn Hoàng D và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

17. Quách Thị V; sinh năm 1987, tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp G, xã H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn T và bà Trần Thị L; có chồng Quách Văn K và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

18. Nguyễn Thúy Y; sinh năm 1970, tại Thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: 308 đường số 2, Cư xá P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế T (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có chồng Nguyễn Duy C và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Văn T: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1961, là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)*

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thị Thùy L: Bà Lê Thị E, sinh năm 1960, là bà ngoại của bị cáo. (có mặt)*

- *Người bào chữa cho các bị cáo Ngô Văn T và Lê Thị Thùy L: Bà Lê Thị Ng N – Luật sư Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lương Văn Quốc G, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Ấp H, xã H.A, huyện P.H, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1972; nơi cư trú: (hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: 135 P.Đ.G, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

3. Bà Võ Thị Kim O, sinh năm: 1972; nơi cư trú: 152E/4 H.P, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1947; nơi cư trú: 94/41 T.H, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
5. Bà Châu Ngọc J, sinh năm: 1952; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định). (vắng mặt)
6. Anh Nguyễn Văn Z, sinh năm: 1982; nơi cư trú: 32H H.V, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
7. Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm: 1976; nơi cư trú: 103/29A V.T, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
8. Bà Nguyễn Thị Thu Hg, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Ấp 7, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
9. Bà Đinh Ngọc Đ, sinh năm: 1971; nơi cư trú: 332/157/4D D.Q.H, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
10. Bà Vũ Thị F, sinh năm: 1959; nơi cư trú: 535A P.V.C, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
11. Bà Ngô Thị Tuyết Z, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên từ ngày 28/6/2020, Ngô Văn T đứng ra tổ chức đánh bạc được thua bằng tiền tại số 5 Lô F3 Khu dân cư B, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Để có người phụ giúp, T thuê Nguyễn Nhật Q; Lê Thị Thùy L; Dương Phạm Hồng N; Đinh Văn Th, Đặng Thái A và các đối tượng tên Nam, Bảo, Quốc, Hồng (chưa rõ lai lịch) phụ giúp T tổ chức đánh bạc và trả công cho mỗi người 15.000.000 đồng/tháng.

T khai, để phục vụ cho việc đánh bạc, T lắp đặt 04 tivi kết nối với 03 máy vi tính (mỗi máy vi tính kết nối với 01 tivi riêng biệt), có 01 máy vi tính kết nối với 02 tivi, mỗi máy vi tính sẽ có 01 mã đăng nhập là “ID1: AT9JN21103”, “ID2: AT9JN21102”, “ID2: AT9JN21105”, có chung mật khẩu là “Aaaa1111”, dùng để đăng nhập vào website có tên miền là “*Keochinh.com*”. Đồng thời, T bố trí 04 bàn cá cược chứa các tỉ lệ cược tương ứng để khách đặt. Có 03 hình thức chơi đánh bạc chính là: Tài - Xỉu, Rồng - Hổ và Chẵn - Lẻ. Ngoài ra, nếu khách có nhu cầu đặt cược đá gà qua mạng thì nhân viên sẽ mở cho khách chơi.

Khi khách đến tham gia chơi đánh bạc, mỗi người sẽ đặt tiền vào một trong 4 vị trí bàn đặt tương ứng với tỉ lệ thắng cược được in trên 4 bàn, trên màn hình tivi sẽ chạy liên tục các hình thức đặt cược. Cứ mỗi ván thì khách có 30 giây để đặt tiền trên bàn, sau đó sẽ có hình ảnh người lắc hộp xí ngầu trên màn hình hiện ra kết quả lắc, đối chiếu với kết quả đặt cược của khách, những người ngồi quản lý sẽ thu hoặc chung chi tiền cho khách. Tại 03 vị trí máy vi tính thì khách chơi riêng biệt với nhau, khách có nhu cầu chơi hình thức nào thì nhân viên sẽ mở cho khách chơi theo nhu cầu, mỗi máy đều có thể phát kết quả Tài-Xỉu, Chẵn-Lẻ, Rồng-Hổ nhưng số lượng khách chơi tài xỉu nhiều hơn.

T bỏ vào 04 bàn đặt cược mỗi chỗ số tiền 30.000.000 đồng để làm vốn cho nhân viên chung chi cho khách, nếu vị trí nào thua hết tiền vốn thì lấy tiền ở vị trí khác bù qua, đến khi nào hết khách trong ngày. Thông thường khoảng 1-2 giờ sáng hôm sau thì nhân viên sẽ tổng kết tiền rồi đưa lại cho T để xác định thắng thua trong ngày.

Nhiệm vụ của Q, L, N, A là ngồi máy tính được T trang bị ở 04 bàn, trên mỗi bàn có 01 bàn tài xỉu và 01 màn hình tivi để con bạc đặt tiền và theo dõi kết quả sau đó tính tiền ăn thua cho khách. Còn Th làm nhiệm vụ cảnh giới các con bạc có gian lận, giữ gìn trật tự và cung cấp đồ ăn, thức uống cho các con bạc, nếu vắng khách thì A sẽ phụ Th làm công việc này. Ngoài ra, Nam, Bảo, Quốc và Hồng ngồi máy để thay ca cho Q, N, L, A, trong đó Nam, Bảo, Quốc và Hồng làm ca tối, còn Q, N, L, A làm ca sáng; mỗi ca làm việc khoảng 10 tiếng, giờ giấc không quy định cụ thể, khi nào có khách thì làm. Trong ngày, khi nào con bạc tham gia chơi đông thì T sẽ kêu Th phát cho tất cả những người tham gia chơi mỗi người 01 thẻ “Lucky” trị giá 100.000 đồng để đặt cược.

Khoảng 19 giờ 40 phút, ngày 02/7/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 kết hợp Công an Phường 7, Quận 8 tiến hành kiểm tra tại số 5 Lô F3 Khu dân cư B, Phường B, Quận T, thì phát hiện bắt quả tang Q, L, N đang ngồi máy làm cái tài xỉu ăn thua với khoảng 20 con bạc. Còn Tr và Th làm nhiệm vụ phục vụ cho các con bạc ăn uống và giữ trật tự tại sòng bạc. Sau đó, Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người và vật chứng về trụ sở để xử lý, làm rõ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T đi công việc về nhà trên thì được Công an Phường 7, Quận 8 mời về làm rõ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, các bị can bị bắt và bị khởi tố về tội “Tổ chức đánh bạc” gồm: Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đặng Thái A và Đinh Văn Th. Đến thời điểm bị bắt quả tang, Ngô Văn T khai nhận đã thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc số tiền 11.890.000 (mười một triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng. Các bị can bị bắt và bị khởi tố về tội “Đánh bạc” khai nhận như sau:

1. Lê Văn B khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc, B mang theo số tiền 150.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 3 do L quản lý, B tham gia chơi nhiều ván và thua 50.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, B đang chơi và bị tạm giữ số tiền 100.000 đồng dùng để đánh bạc.

2. Trần Thị Bích D khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc D mang theo số tiền 300.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 3 do L quản lý, D tham gia chơi nhiều ván và thua 190.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, D đang chơi và bị tạm giữ số tiền 110.000 đồng dùng để đánh bạc và 02 điện thoại di động hiệu IteL và Samsung.

3. Trần Thị Bích O khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc O mang theo số tiền 4.300.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 700.000 đồng chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, O tham gia chơi nhiều ván và thua 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, O đang chơi và bị tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng trong đó 400.000 đồng để đánh bạc, còn 3.600.000 đồng là tiền cá nhân không dùng để đánh bạc.

4. Nguyễn Thị P khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc P mang theo số tiền 600.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 3 do L quản lý, P tham gia chơi nhiều ván và thua 150.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, P đang chơi và bị tạm giữ số tiền 450.000 đồng dùng để đánh bạc.

5. Nguyễn Thị Hồng H khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc H mang theo số tiền 400.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, H tham gia chơi nhiều ván và thua 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, H đang chơi và bị tạm giữ số tiền 100.000 đồng dùng để đánh bạc.

6. Lê Thị Ng khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc Ng mang theo số tiền 1.995.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 3 do L quản lý, Ng tham gia chơi nhiều ván và thua 1.900.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, Ng đang chơi và bị tạm giữ số tiền 95.000 đồng dùng để đánh bạc.

7. Nguyễn Thị Thu U khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc U mang theo số tiền 400.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, U tham gia chơi nhiều ván và thua 50.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, U đang chơi và bị tạm giữ số tiền 300.000 đồng dùng để đánh bạc do trong quá trình đánh bạc U đã tiêu xài 50.000 đồng mua đồ ăn uống.

8. Nguyễn Thị X khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc X mang theo số tiền 530.000 đồng để chơi tài xỉu, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, X tham gia chơi nhiều ván và thua 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, X đang chơi và bị tạm giữ số tiền 230.000 đồng dùng để đánh bạc.

9. Huỳnh Kim K khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc K mang theo số tiền 620.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 100.000 đồng để chơi rồng – hổ, ngồi tại vị trí số 1 do Q quản lý, K tham gia chơi nhiều ván và thắng 50.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, K đang chơi và bị tạm giữ số tiền 670.000 đồng, trong đó 520.000 đồng là tiền cá nhân, còn 150.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

10. Nguyễn Thị S nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc S mang theo số tiền 700.000 đồng để chơi tài xỉu và thua 330.000 đồng, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, S tham gia chơi nhiều ván và thua 330.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, S đang chơi và bị tạm giữ số tiền 370.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

11. Quách Thị V khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc V mang theo số tiền 6.800.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.600.000 đồng để chơi tài xỉu và thua 100.000 đồng, ngồi tại vị trí số 2 do N quản lý, V tham gia chơi và thua 100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, V đang chơi và bị tạm giữ số tiền 6.700.000 đồng, trong đó 1.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, còn 5.200.000 đồng là tiền cá nhân.

12. Nguyễn Thúy Y khai nhận: Vào ngày 02/7/2020, khi chơi đánh bạc Y mang theo số tiền 1.000.000 đồng để chơi tài xỉu và thua 550.000 đồng, ngồi tại vị trí số 3 do L quản lý. Khi bị bắt quả tang, Y đang chơi và bị tạm giữ số tiền 450.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi tổ chức đánh bạc của mình, cũng như hành vi phạm tội của những bị cáo cùng tham gia đánh bạc như trên.

Ngoài ra, tại thời điểm bắt quả tang, Công an còn phát hiện 11 đối tượng có mặt gồm: Lương Văn Quốc G, Nguyễn Thị R, Võ Thị Kim O, Nguyễn Thị Ph, Châu Ngọc J, Nguyễn Văn Z, Trần Thị Thùy Tr, Nguyễn Thị Thu Hg, Đinh Ngọc Đ, Vũ Thị F, Ngô Thị Tuyết Z. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, các đối tượng này khai nhận trước đó có tham gia chơi đánh bạc nhưng tại thời điểm bắt quả tang các đối tượng này không tham gia đánh bạc.

Ngày 13/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 tiến hành đưa Ngô Văn T đi giám định tâm thần tại Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản Kết luận giám định pháp y số 1711, ngày 8/9/2020 kết luận như sau:

- Về y học: Trước, trong và sau ngày từ 28/6/2020 đến ngày 02/7/2020, Ngô Văn T có Rối loạn hoang sợ (F41.0-IDC10)

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau ngày từ 28/6/2020 đến ngày 02/7/2020, Ngô Văn T có hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm: 04 tivi hiệu TCL màu đen; 03 bộ máy vi tính để bàn; 04 mặt bàn tài xỉu; 19 thẻ nhựa màu đỏ; 20 thẻ nhựa màu xanh; 50 thẻ nhựa có chữ “Lucky” màu đen; 50 thẻ nhựa có chữ “Lucky” màu đỏ; 01 máy tính hiệu Casio; 10 ghế nhựa; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus (là tài sản cá nhân của Q); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus (là tài sản cá nhân của N); 01 v hiệu OPPO (là tài sản cá nhân của L); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (là tài sản cá nhân của A); Số tiền 5.870.000 đồng (là tài sản cá nhân của A); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (là tài sản cá nhân của Lê Văn B); 02 điện thoại di động hiệu Itel và Samsung (là tài sản cá nhân của Trần Thị Bích D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (là tài sản cá nhân của Nguyễn Thị P); 02 điện thoại di động hiệu Mastel và hiệu Realme (là tài sản cá nhân của Lê Thị Ng); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (là tài sản cá nhân của Nguyễn Thị Thu U); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh (là tài sản cá nhân của Nguyễn Thị S); 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ (là tài sản cá nhân của Quách Thị V); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (là tài sản cá nhân của Nguyễn Thúy Y); Số tiền 241.890.000 đồng tạm giữ tại vị trí của Q, N và L dùng để đánh bạc (tại vị trí của Q là 76.540.000 đồng, của N là 41.230.000 đồng, của L là 124.120.000 đồng); Số tiền 13.575.000 đồng tạm giữ trong người các con bạc (trong đó 4.255.000 đồng dùng để đánh bạc); 01 giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước số tiền 261.335.000 đồng.

Đối với số đồ vật, tài sản tạm giữ của các con bạc tham gia đánh bạc nhưng đã nghỉ đánh bạc trước khi Công an bắt quả tang, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả toàn bộ số tài sản nêu trên cho chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 186/CT-VKS ngày 19/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo:

- Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Huỳnh Kim K về tội “Đánh bạc” theo các điểm b, c, d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y, Nguyễn Thị P về tội “Đánh bạc” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo, cụ thể: Viện kiểm sát rút nội dung truy tố về tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông,*



*phương tiện điện tử để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo.

Viện kiểm sát tiếp tục truy tố các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y, Nguyễn Thị P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và truy tố bị cáo Huỳnh Kim K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 321 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; các điểm q, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật Q từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đinh Văn Th từ 02 năm 03 tháng đến 03 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Dương Phạm Hồng N và Đặng Thái A từ 02 năm đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58, 65, 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L từ 16 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A, phạt mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Bị cáo Lê Thị Thùy L là người chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Kim K từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Văn B và Trần Thị Bích D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn

Thị P, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y, mỗi bị cáo từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Ng từ 02 năm đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Huỳnh Kim K, Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y, phạt mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về vật chứng tạm giữ, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử lý theo quy định pháp luật. Số tiền tạm giữ của các bị cáo dùng để đánh bạc và các dụng cụ có dùng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; số tiền và các điện thoại không dùng để đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo L trình bày quan điểm bào chữa như sau: Trong vụ án, mặc dù bị cáo T là bị cáo có vai trò chính, nhưng bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Việc đánh bạc mới diễn ra vài ngày thì bị phát hiện và bắt quả tang nên mức độ gây ảnh hưởng xấu cho trật tự xã hội ở địa phương là không lớn. Bị cáo L là người chưa đủ 18 tuổi, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự chăm sóc của người cha, mẹ mất sớm, ở với ngoại nên sớm ra đời bươn chải kiếm sống mưu sinh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo T và L với mức án khoan hồng nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút một phần nội dung truy tố về tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo; đồng thời truy tố các bị cáo tội “*Tổ chức đánh bạc*” với khung hình phạt nhẹ hơn. Xét việc rút một phần quyết định truy tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, không làm xấu đi tình trạng của các bị

cáo và phù hợp Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 02/7/2020, tại số 5 Lô F3 Khu dân cư B, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Q, L, N đã có hành vi ngồi máy vi tính làm cái tổ chức đánh bạc dưới hình thức tài xỉu, chẵn lẻ, rồng hổ để ăn thua bằng tiền với khoảng 20 con bạc. Còn các bị cáo Trường và Thái làm nhiệm vụ canh giới, phục vụ cho các con bạc ăn uống và giữ trật tự tại sòng bạc. Các bị cáo B, D, Bích O, H, Ng, U, X, K, S, V, Y, P đang tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức tài xỉu, rồng hổ được thua bằng tiền với Q, L, N thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Việc tổ chức đánh bạc này qua điều tra xác định do bị cáo Ngô Văn T đứng ra tổ chức, thuê người, bố trí công cụ, phương tiện để phục vụ việc tổ chức đánh bạc. Số tiền tạm giữ trên chiếu bạc là 241.890.000 đồng, số tiền tạm giữ trong người các con bạc dùng để đánh bạc là 4.255.000 đồng.

Đây là vụ án “Tổ chức đánh bạc và đánh bạc” do các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A giữ vai trò tổ chức; còn các bị cáo Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Huỳnh Kim K, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y, Nguyễn Thị P là các con bạc tham gia đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 246.145.000 đồng. Số tiền T khai nhận đã thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 11.890.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4] Xét hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc của các bị cáo: Tại Công văn số: 196/TANDTC-PC ngày 04/9/2018, Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, được hiểu là việc sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để đánh bạc trực tuyến (như hình thành nên các chiếu bạc online hoặc sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để tổ chức đánh bạc).

Trong vụ án này, các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A sử dụng mạng internet, mạng máy tính, tivi là để truyền và phát lên hình ảnh kết quả lắc hạt xí ngầu, qua đó để đặt cược, tính thắng thua trực tiếp trong trò chơi tài xỉu, rồng hổ... Các bị cáo chỉ dùng máy tính, màn hình tivi là công cụ để sử dụng vào việc đánh bạc. Theo lời khai của các bị cáo, căn cứ vào kết quả của hình ảnh lắc hạt xí ngầu qua mạng internet của trang mạng “*keochinh.com*” được phát trên màn hình tivi, rồi dựa vào đó làm căn cứ tính thắng thua, chung chi với người đặt cược. Các bị cáo thắng thua bằng tiền mặt trực tiếp với con bạc, chứ không ăn thua qua mạng, không hình thành nên các chiếu bạc ăn thua online trực tuyến, các bị cáo chỉ ngồi nhìn và đọc kết quả và tính thắng thua với các con bạc, chứ không tác động vào trò chơi này.

Qua điều tra, các bị cáo không có tài khoản mạng riêng, không nạp tiền cấp hạn mức, không có điểm trả thưởng trên mạng, cũng không nói đến công cụ đường truyền máy tính kết nối internet. Máy tính kết nối với màn hình tivi là công nghệ offline, không phải online, không đủ cơ sở, chứng cứ chứng minh online, kết nối internet với các kênh khác đầu tổng trên mạng. Vật chứng tạm giữ không có các phương tiện điện tử là thiết bị thu phát internet có dây hay không dây (như là đầu thu phát wifi/ USB phát sóng 4G...) mà máy tính có thể truy cập được vào mạng internet. Không có chứng cứ chứng minh các bị cáo đã sử dụng mạng internet để chơi đánh bạc trực tuyến hay là được phát qua USB hoặc phần mềm cài sẵn offline trên máy tính nên cần suy đoán theo hướng có lợi cho các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đặng Thái A khai không biết trang mạng có tên miền “keochinh.com” và cũng không có mật khẩu đăng nhập vào trang này. Tại biên bản kiểm tra tài khoản vào lúc 12 giờ 30 phút, ngày 03/7/2020 thì tại vị trí máy vi tính của Q truy cập vào trang Web: www.Keochinh.com; trong mục User name, nhập tên “AT9JN21102” trong mục Pass word nhập mã “Aaaa1111” rồi nhấn lệnh đăng nhập. Kết quả trang Web thông báo “Đăng nhập thất bại”, thực hiện lại lần 2 trang web cũng thông báo tương tự. Tại vị trí của Nhật và L thực hiện thao tác theo các password Nhật, L cung cấp cũng không đăng nhập được.

Các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A không lập trang website, không dùng thẻ nạp tiền và thực hiện việc chuyển tiền ảo thành tiền thật, mở hoặc vào trang website để rù rê các con bạc đánh bạc trên mạng internet và mở tài khoản để thanh toán tiền đánh bạc thắng thua qua mạng internet. Do đó, không có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo có yếu tố “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*”. Tuy nhiên, các bị cáo đã tổ chức cho trên 10 người cùng chơi đánh bạc trong cùng một lúc, và tổng số tiền dùng đánh bạc là trên 5.000.000 đồng.

Các bị cáo còn lại có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền trực tiếp với các bị cáo khác (vai trò tổ chức), và tổng số tiền của các bị cáo dùng đánh bạc là trên 50.000.000 đồng.

[5] Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Đánh bạc” như sau:

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

...

*b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;*

...

*d) Tái phạm nguy hiểm.*

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Và Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tổ chức đánh bạc” như sau:

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000

[6] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của các bị cáo Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, và với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 246.145.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Năm 2010 và năm 2012, bị cáo Huỳnh Kim K bị kết án về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Đánh bạc”. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Huỳnh Kim K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo này.

[9] Bị cáo Dương Phạm Hồng N, Đặng Thái A và Lê Thị Ng có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình; bị cáo Ng đang trực tiếp nuôi con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[10] Bị cáo Lê Thị Thùy L là người chưa đủ 18 tuổi; phạm tội do bị đồng phạm khác xúi giục nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, các điều 91, 101 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo L. Bị cáo T bị mắc bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo L.

[11] Bị cáo Nguyễn Thị P đang nuôi con nhỏ, bị cáo Nguyễn Thị Thu U tình trạng sức khỏe kém bị bệnh huyết áp và tháo đường. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo P, U.

[12] Bị cáo T thuê bị cáo Lê Thị Thùy L là người chưa đủ 18 tuổi tham gia tổ chức đánh bạc, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Năm 2018, bị cáo Đinh Văn Th bị kết án 10 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “*tái phạm*”, là tình tiết T nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[13] Năm 2015, bị cáo Lê Văn B bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo Trần Thị Bích D nhiều lần bị bắt đưa đi phục hồi nhân phẩm về hành vi mua bán dâm và năm 1987 bị đưa đi cưỡng bức lao động về hành vi trộm cắp tài sản của công dân; năm 2015, bị cáo Nguyễn Nhật Q bị kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù không bị coi là án tích nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp nhân thân các bị cáo.

[14] Các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê và xúi giục các bị khác tham gia giúp sức cho bị cáo phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[15] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo L là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

[16] Bị cáo Ngô Văn T khai nhận trong thời gian tổ chức đánh bạc, bị cáo đã thu lợi bất chính được số tiền 11.890.000 (mười một triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ nào khác chứng minh về số tiền thu lợi bất chính của bị cáo nên không có cơ sở buộc bị cáo nộp lại số tiền này, cũng như là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo.

[17] Các bị cáo Dương Phạm Hồng N, Đặng Thái A, Lê Thị Ng có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thị Thùy L là người dưới 18 tuổi, phạm tội do bị xúi giục. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[18] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” (06 bị cáo) và tội “Đánh bạc” (12 bị cáo) là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận.

[19] Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Ngô Văn T và Lê Thị Thùy L là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[20] Về xử lý vật chứng vụ án:

Số tiền tạm giữ của các bị cáo dùng để đánh bạc và các dụng cụ có dùng vào việc phạm tội thì tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước; số tiền và các tài sản không dùng để đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo.

[21] Đối với những đối tượng bị Công an phát hiện có mặt tại thời điểm bắt quả tang gồm 11 đối tượng: Lương Văn Quốc G, Nguyễn Thị Vân, Võ Thị Kim O, Nguyễn Thị Ph, Châu Ngọc J, Nguyễn Văn Z, Trần Thị Thùy Tr, Nguyễn Thị Thu Hg, Đinh Ngọc Đ, Vũ Thị F, Ngô Thị Tuyết Z. Các đối tượng này khai nhận trước đó có tham gia chơi đánh bạc nhưng tại thời điểm bắt quả tang các đối tượng này không tham gia đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý hành chính và xử lý vật chứng trao trả toàn bộ số đồ vật, tài sản tạm giữ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[22] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th và Đặng Thái A phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y và Huỳnh Kim K phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật Q 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Phạm Hồng N 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đặng Thái A 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hoà Hiệp, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 03 (ba) năm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thuận Hoà, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A, mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Kim K 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) của của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích O 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.



Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Quách Thị V 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thúy Y 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu U 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 02/7/2020 đến ngày 05/7/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ng 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt các bị cáo Huỳnh Kim K, Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V và Nguyễn Thúy Y, mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Tịch thu tiêu hủy: 04 mặt bàn tài xỉu; 19 thẻ nhựa màu đỏ; 20 thẻ nhựa màu xanh; 50 thẻ nhựa có chữ “Lucky” màu đen; 50 thẻ nhựa có chữ “Lucky” màu đỏ; 01 máy tính hiệu Casio; 10 ghế nhựa.

\* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 04 tivi hiệu TCL màu đen màn hình phẳng; 03 bộ máy vi tính để bàn; số tiền 246.145.000 (hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng.

\* Trả lại cho các bị cáo:

- Nguyễn Nhật Q: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus.
- Dương Phạm Hồng N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus.
- Lê Thị Thùy L: 01 điện thoại di động hiệu OPPO.
- Đặng Thái A: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và số tiền 5.870.000 (năm triệu tám trăm bảy mươi ngàn) đồng.
- Lê Văn B: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.
- Trần Thị Bích D: 02 điện thoại di động hiệu IteL và Samsung.
- Nguyễn Thị P: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.
- Lê Thị Ng: 02 điện thoại di động hiệu Mastel và hiệu Realme.
- Nguyễn Thị Thu U: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Nguyễn Thị S: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.
- Quách Thị V: 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ.
- Nguyễn Thúy Y: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

(Tất cả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Nhật Q, Lê Thị Thùy L, Dương Phạm Hồng N, Đinh Văn Th, Đặng Thái A, Lê Văn B, Trần Thị Bích D, Trần Thị Bích O, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hồng H, Lê Thị Ng, Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S, Quách Thị V, Nguyễn Thúy Y và Huỳnh Kim K, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo T, L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phúc**